

**Phụ lục**  
**NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /6/2025  
của UBND tỉnh Nam Định)*

**1. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải**

Điều chỉnh mục 1, mục 2 phần A; mục 1.1, mục 1.2 phần B của Phụ lục II Giấy phép môi trường số 1938/GPMT-UBND ngày 09/9/2024 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

**"A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải**

Cơ sở gồm 12 nguồn khí thải bao gồm:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ lò dầu truyền tải nhiệt số 1 công suất 5.900 KW tương đương khoảng 5.000.000 Kcal/h.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ lò dầu truyền tải nhiệt số 2 công suất 5.900 KW tương đương khoảng 5.000.000 Kcal/h.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ lò dầu truyền tải nhiệt số 3 công suất 5.900 KW tương đương khoảng 5.000.000 Kcal/h.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ lò hơi 4a (thay thế 02 lò hơi cũ là lò hơi số 04 công suất 10 tấn/h và lò hơi số 05 công suất 15 tấn/h): 25 tấn hơi/h.
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ lò hơi 6 công suất 15 tấn hơi/h.
- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ lò hơi 7 công suất 15 tấn hơi/h.
- Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ lò hơi 8 công suất 20 tấn hơi/h.
- Nguồn số 08: Khí thải phát sinh từ bể trung hòa nước thải trạm xử lý nước thải.
- Nguồn số 09: Trạm phát điện dự phòng khu vực văn phòng.
- Nguồn số 10: Trạm phát điện dự phòng khu vực xưởng dệt 1 (dệt kim, nhuộm dệt kim, dệt thoi, kho sợi dệt kim), xưởng dệt 2 (xưởng dệt thoi, hồ sợi).
- Nguồn số 11: Trạm phát điện dự phòng khu vực xưởng nhuộm 1 (hoàn tất dệt kim và hoàn tất dệt thoi), xưởng nhuộm 2 (nhuộm sợi).
- Nguồn số 12: Trạm phát điện dự phòng khu vực nhà kho (thành phẩm dệt kim, kiểm hàng dệt kim).

**2. Dòng bụi, khí thải, vị trí xả khí thải**

**2.1. Vị trí xả thải**

- Dòng khí thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01, 02, 03, 04): Tương ứng với ống phóng không của hệ thống xử lý khí thải được đầu nối từ lò dầu số 1, 2, 3 và lò hơi số 4a. Tọa độ vị trí xả thải  $X(m) = 2251033$ ;  $Y(m) = 562571$ .

- Dòng khí thải số 02 (tương ứng với nguồn số 05, 06, 07): Tương ứng với ống phóng không của hệ thống xử lý khí thải đầu nối từ lò hơi số 6, 7, 8. Tọa độ vị trí xả thải  $X(m) = 2251049$ ;  $Y(m) = 562604$ .

- Dòng khí thải số 3 (tương ứng với nguồn số 08): Tương ứng với ống phóng không của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ bể trung hòa của trạm xử lý nước thải. Tọa độ vị trí xả thải  $X(m) = 2251194$ ;  $Y(m) = 562542$ .

- Dòng khí thải số 4 (tương ứng với nguồn số 09): Ống thải máy phát điện dự phòng khu vực văn phòng, ký túc xá. Tọa độ vị trí xả thải  $X(m) = 2250630$ ;  $Y(m) = 0458440$ .

- Dòng khí thải số 5 (tương ứng với nguồn số 10): Ống thải máy phát điện dự phòng khu vực xưởng dệt 1 (dệt kim, nhuộm dệt kim, dệt thoi, kho sợi dệt kim); xưởng dệt 2 (xưởng dệt thoi, hồ sợi). Tọa độ vị trí xả thải  $X(m) = 2250568$ ;  $Y(m) = 0458672$ .

- Dòng khí thải số 6 (tương ứng với nguồn số 11): Ống thải máy phát điện dự phòng khu vực xưởng nhuộm 1 (hoàn tất dệt kim và hoàn tất dệt thoi); xưởng nhuộm 2 (nhuộm sợi). Tọa độ vị trí xả thải  $X(m) = 2250876$ ;  $Y(m) = 0458557$ .

- Dòng khí thải số 7 (tương ứng với nguồn số 12): Ống thải máy phát điện dự phòng khu vực kho sợi dệt kim, kiểm hàng dệt kim. Tọa độ vị trí xả thải  $X(m) = 2250661$ ;  $Y(m) = 0458449$ .

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiều  $3^0$ )

## 2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 1: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất  $140.000 \text{ m}^3/\text{h}$ .

- Dòng khí thải số 2: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất  $130.000 \text{ m}^3/\text{h}$ .

- Dòng khí thải số 3: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất  $4.500 \text{ m}^3/\text{h}$ .

- Dòng khí thải số 4, 5, 6, 7: Không xác định.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Đối với bụi, khí thải lò hơi, lò dầu truyền nhiệt: Chủ dự án lắp đặt 07 hệ thống thu gom bụi, khí thải (cho 03 lò truyền nhiệt và 04 lò hơi), phương án đầu nối các hệ thống vào ống khói như sau:

+ Ống khói 1: Đầu nối từ hệ thống thu gom bụi, khí thải từ 3 lò truyền nhiệt 1, 2, 3 và lò hơi số 4a cao 25 m so với mặt đất.

+ Ống khói 2: Đầu nối từ hệ thống thu gom bụi, khí thải từ lò hơi nước số 6, 7, 8 cao 25 m so với mặt đất.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

\* Đối với bụi, khí thải lò hơi, lò dầu truyền nhiệt

- Bụi, khí thải phát sinh từ 04 lò hơi và 03 lò dầu truyền nhiệt được thu gom vào 07 hệ thống xử lý khí thải được đầu tư đồng bộ.

- Quy trình thu gom, xử lý khí thải lò hơi: Bụi, khí thải → Quạt hút → Cyclon → Tháp hấp thụ bằng nước → Ống phông không cao 25 m (tính từ mặt đất).

TT	Lò hơi/Lò dẫn dầu truyền nhiệt	Số lượng ống khói
1	Lò dầu truyền tải nhiệt số 1 công suất 5.000.000 Kcal/h	01
2	Lò dầu truyền tải nhiệt số 2 công suất 5.000.000 Kcal/h	
3	Lò dầu truyền tải nhiệt số 3 công suất 5.000.000 Kcal/h	
4	Lò hơi 4a: 25 tấn hơi/h	01
5	Lò hơi 6: 15 tấn hơi/h	
6	Lò hơi 7: 15 tấn hơi/h	
7	Lò hơi 8: 20 tấn hơi/h	

## 2. Các yêu cầu và điều kiện kèm theo đối với nội dung điều chỉnh

- Thực hiện đúng các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục này và tiếp tục thực hiện các nội dung khác của Giấy phép môi trường số 1938/GPMT-UBND ngày 09/9/2024.

- Công khai giấy phép môi trường cấp điều chỉnh trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi cơ sở hoạt động. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp điều chỉnh giấy phép môi trường./.